**PHỤ LỤC DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỔNG LIÊN ĐOÀN**

**ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG ĐỂ TUYỂN CHỌN BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2019**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TLĐ ngày tháng năm 2018)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ đề xuất đặt hàng** | **Định hướng mục tiêu** | **Yêu cầu đối với kết quả\*** | **Thời gian thực hiện** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| 1 | Nghiên cứu xây dựng và áp dụng thử hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 cho các cơ sở sản xuất giày da | (1) Xây dựng được kỹ thuật đánh giá rủi ro ATVSLĐ trong các cơ sở sản xuất giày da.  (2) Xây dựng mô hình và áp dụng thử hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 tại 02 cơ sở sản xuất giày da. | (1) Cơ sở dữ liệu nhận diện mối nguy ATVSLĐ trong các cơ sở sản xuất giày da.  (2) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nhận diện mối nguy, rủi ro ATVSLĐ và báo cáo đánh giá rủi ro.  (3) Bộ tài liệu về hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 trong các cơ sở sản xuất giày da.  (4). Báo cáo đánh giá kết quả áp dụng mô hình hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 tại 02 cơ sở sản xuất giày da. | 24 tháng |
| 2 | Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn về quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nam và nữ | (1) Đề xuất được các yêu cầu kỹ thuật đối với quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nam và nữ.  (2) Ban hành tiêu chuẩn quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nam và quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nữ. | (1) Báo cáo các yêu cầu kỹ thuật quần áo BHLĐ phổ thông cho lao động nam và nữ.  (2) 2 tiêu chuẩn quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nam và quần áo bảo hộ lao động phổ thông cho nữ được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng ban hành. | 24 tháng |
| 3 | Nghiên cứu xây dựng và áp dụng thử hệ thống quản lý an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 cho các cơ sở sản xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế. | (1) Xây dựng được kỹ thuật đánh giá rủi ro ATVSLĐ trong các cơ sở xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế.  (2) Xây dựng mô hình và áp dụng thử hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 tại 02 cơ sở xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế. | (1) Cơ sở dữ liệu nhận diện mối nguy ATVSLĐ trong các cơ sở xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế.  (2) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nhận diện mối nguy, rủi ro ATVSLĐ và báo cáo đánh giá rủi ro.  (3) Bộ tài liệu về hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 trong các cơ sở xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế.  (4). Báo cáo đánh giá kết quả áp dụng mô hình hệ thống quản lý ATVSLĐ theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 tại 02 cơ xuất nguyên liệu nhựa từ nhựa tái chế. | 24 tháng |
| 4 | Nghiên cứu áp dụng phương pháp đánh giá phân loại điều kiện lao động của Viện khoa học An toàn và Vệ sinh lao động để đề xuất xếp loại lao động cho các ngành chế biến gỗ và chế biến thủy sản | 1. Đánh giá phân loại được điều kiện lao động cho các công đoạn sản xuất chính trong ngành chế biến gỗ và chế biến thủy sản.  2. Đề xuất danh mục xếp loại lao động theo kết quả đánh giá phân loại điều kiện lao động. | (1). Báo cáo kết quả đánh giá phân loại điều kiện lao động cho các công đoạn sản xuất chính trong ngành chế biến gỗ và chế biến thủy sản.  (2). Báo cáo đề xuất xếp loại lao động theo kết quả đánh giá phân loại điều kiện lao động. | 24 tháng |
| 5 | Nghiên cứu ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động có tiếp xúc với vi nấm Aspergilus trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi và đề xuất giải pháp dự phòng | (1). Xác định mức độ phơi nhiễm vi nấm Aspergilus ở người lao động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi (theo liều tiếp xúc);  (2). Xác định tình hình sức khỏe liên quan đến phơi nhiễm vi nấm Aspergilus ở người lao động động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi;  (3). Đề xuất một số giải pháp dự phòng nhằm giảm thiểu mức độ phơi nhiễm vi nấm Aspergilus của người lao động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi; | (1). Báo cáo khoa học mức độ phơi nhiễm vi nấm Aspergilus ở người lao động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi;  (2). Báo cáo khoa học tình hình sức khỏe liên quan đến vi nấm Aspergilus ở người lao động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi;  (3). Các giải giải pháp dự phòng khả thi nhằm cải thiện điều kiện lao động, giảm thiểu ảnh hưởng của vi nấm Aspergilus đến sức khỏe người lao động trong ngành sản xuất chế biến thức ăn chăn nuôi; | 24 tháng |
| 6 | Nghiên cứu đánh giá mức độ phơi nhiễm khí Clo ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động ở các cơ sở chế biến thủy sản và đề xuất giải pháp dự phòng | (1). Đánh giá được mức độ phơi nhiễm khí Clo ở người lao động trong các cơ sở chế biến thủy sản;  (2). Xác định được ảnh hưởng đến sức khỏe ở người lao động có tiếp xúc với khí Clo ở các cơ sở chế biến thủy sản;  (3). Các giải pháp dự phòng khả thi góp phần giảm thiểu tiếp xúc khí Clo của người lao động ở các cơ sở chế biến thủy sản; | (1). Báo cáo đánh giá mức độ phơi nhiễm khí Clo ở người lao động trong các cơ sở chế biến thủy sản;  (2). Báo cáo tình hình sức khỏe, bệnh tật có liên quan tới tiếp xúc với khí Clo ở người lao động trong các cơ sở chế biến thủy sản;  (3). Báo về các giải pháp khả thi góp phần giảm thiểu tiếp xúc với khí Clo ở người lao động trong các cơ sở chế biến thủy sản; | 24 tháng |
| 7 | Nghiên cứu xác định mức độ nhiễm Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone ở người lao động trong một số cơ sở sản xuất giày da và đề xuất áp dụng tiêu chuẩn giám sát sinh học | (1). Xác định được mức độ phơi nhiễm Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone ở người lao động có tiếp xúc tại cơ sở nghiên cứu;  (2). Xác định được mức độ nhiễm Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone ở người lao động có tiếp xúc tại cơ sở nghiên cứu;  (3). Đề xuất áp dụng tiêu chuẩn giám sát sinh học cho người lao động có tiếp xúc với Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone; | (1). Báo cáo quy trình phân tích Methyl Ethyl Keton niệu và quy trình phân tích sản phẩm chuyển hóa 2,5hexanedione của Methyl n- Buhyl Ketone trong nước tiểu;  (2). Báo cáo mức độ phơi nhiễm Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone ở người lao động có tiếp xúc tại cơ sở nghiên cứu;  (3). Báo cáo mức độ nhiễm Methyl Ethyl Keton, Mythyl n- Buhyl Ketone trong nước tiểu của người lao động tại các cơ sở nghiên cứu.  (4). Đề xuất áp dụng tiêu chuẩn giám sát sinh học cho người lao động có tiếp xúc với Methyl Ethyl Keton, Methyl n- Buhyl Ketone; | 24 tháng |
| 8 | Nghiên cứu đề xuất áp dụng chỉ số 1,6- Hexamethylene diamin (HAD) làm tiêu chuẩn giám sát sinh học đối với người lao động tiếp xúc với 1,6- Hexamethylen diisocyanate (HDI) trong các cơ sở sản xuất ô tô, xe máy | (1). Xác định mức độ phơi nhiễm HDI ở người lao động tại các cơ sở sản xuất ô tô, xe máy;  (2). Xác định nồng độ chất chuyển hóa HAD trong nước tiểu của người lao động trong các cơ sở sản xuất ô tô, xe máy;  (3). Đề xuất áp dụng chỉ số HDA làm chỉ số giám sát sinh học đối với người lao động tiếp xúc với HDI; | (1). Báo cáo mức độ phơi nhiễm HDI ở người lao động tại các cơ sở sản xuất ô tô, xe máy;  (2). Báo cáo nồng độ chất chuyển hóa HAD ở người lao động trong các cơ sở sản xuất ô tô, xe máy;  (3). Báo cáo quy trình phân tích HDA;  (4). Đề xuất áp dụng chỉ số HDA làm chỉ số giám sát sinh học đối với người lao động tiếp xúc với HDI; | 24 tháng |
| 9 | Nghiên cứu quá trình hoàn nguyên vật liệu hấp phụ - xúc tác nano oxit kim loại trên nền than hoạt tính trong thiết bị xử lý dung môi hữu cơ | (1). Xây dựng được quy trình công nghệ hoàn nguyên vật liệu hấp phụ - xúc tác nano oxit kim loại trên nền than hoạt tính trong thiết bị xử lý dung môi hữu cơ;  (2). Gia công chế tạo, thử nghiệm và đánh giá hiệu quả hoàn nguyên vật liệu hấp phụ - xúc tác nano oxit kim loại trên nền than hoạt tính trong thiết bị xử lý dung môi hữu cơ quy mô sử dụng vật liệu hấp phụ từ 100 đến 200 kg; | (1). Quy trình công nghệ hoàn nguyên vật liệu hấp phụ - xúc tác nano oxit kim loại trên nền than hoạt tính trong thiết bị xử lý dung môi hữu cơ;  (2). 01 hệ thống thiết bị xử lý dung môi hữu cơ với quy mô 100 -200 kg than hoạt tính và khí thải đầu ra phải đạt QCVN 20:2009/BTNMT;  (3). Báo cáo kết quả đánh giá hiệu quả ứng dụng hoàn nguyên vật liệu hấp phụ - xúc tác nano oxit kim loại trên nền than hoạt tính trong thiết bị xử lý dung môi hữu cơ. | 24 tháng |
| 10 | Nghiên cứu xử lý CO trong khí thải lò đốt công nghiệp bằng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm | (1). Xây dựng được quy trình công nghệ xử lý CO trong khí thải lò đốt công nghiệp bằng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm;  (2). Thiết kế, chế tạo và ứng dụng thực tế 01 hệ thống xử lý CO trong khí thải lò đốt công nghiệp bằng thiết bị hấp phụ sử dụng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm công suất 5000m3; | (1). Quy trình và kèm theo hưỡng dẫn thiết kế chế tạo công nghệ xử lý CO trong khí thải lò đốt công nghiệp bằng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm;  (2). Thiết bị hấp phụ sử dụng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm công suất 5000m3;  (3). Hệ thống xử lý CO trong khí thải lò đốt công nghiệp bằng thiết bị hấp phụ sử dụng vật liệu xúc tác oxit kim loại trên nền chất mang gốm công suất 5000m3, bảo đảm tieu chuẩn khí thải theo QCVN 20:2009/BTNMT;  (4). Báo cáo kết quả hiệu quả xử lý khí thải CO của hệ thống ứng dụng thực tế. | 24 tháng |